

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 6 năm 2024

“*V/v Tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH
PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Kim Dung

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hường Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 75/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, *có mặt.*

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1992; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố H, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện nay, anh T đang chấp hành án tại Trại giam V của Bộ C, *có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được cấp Giấy chứng nhận số 57 quyền số 01.2014 vào ngày 11/9/2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhà với bố mẹ anh T tại địa chỉ ngách A, ngõ C, đường L, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận. Được một thời gian thì nảy sinh nhiều bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn. Kể từ tháng 5 năm 2020, anh T vi phạm pháp luật và phải chấp hành án phạt tù 15 năm tại Trại giam V nên vợ chồng chị ly thân nhau hoàn toàn. Sau bốn năm xa cách, chị L xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, cuộc sống không thể hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy chị làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con là Nguyễn Tú A, sinh ngày 02/8/2015 hiện nay đang học lớp 3A Trường Tiểu học L2 và do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian anh T vắng nhà, chị luôn đảm bảo điều kiện ăn ở học tập và sinh hoạt tốt nhất cho cháu Tú A. Vì vậy, sau khi ly hôn xin được quyền tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng. Chị khẳng định, với công việc kinh doanh cửa hàng quần áo hiện tại của mình, chị hoàn toàn có thể đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con khôn lớn trưởng thành. Mặt khác, do anh T đang phải đi chấp hành án nên không thể trực tiếp nuôi con. Hàng ngày, bố mẹ chồng của chị thường xuyên hỗ trợ và chăm sóc cho mẹ con chị nên càng đảm bảo điều kiện tốt về mọi mặt cho con chung sau khi ly hôn.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Mạnh T xin xét xử vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã có lời khai trình bày:

Quá trình kết hôn chung sống và quan hệ về con chung, tài sản chung như chị L trình bày là đúng. Chị L xin ly hôn, anh đồng ý nhưng về con chung anh đề nghị giao cho bố mẹ đẻ của anh trực tiếp nuôi dưỡng để thuận lợi cho việc ăn ở sinh hoạt của con chung cũng như của chị L sau khi ly hôn. Ngoài ra anh không yêu cầu giải quyết gì khác và đề nghị vắng mặt đến khi kết thúc vụ việc.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, việc kết hôn và quá trình chung sống như các đương sự trình bày là đúng. Hiện nay, con chung Tú A đang sống cùng chị L và bố mẹ đẻ anh T tại địa chỉ ngách A, ngõ C, đường L, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại địa phương, chị L không có vi phạm pháp luật gì và đang có điều kiện sống ổn định, bình thường, đảm bảo cho việc nuôi con chung.

Ngoài ra bà Hoàng Thị L1 là mẹ đẻ của anh T còn trình bày: Từ khi con trai bà vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án. Bà vẫn luôn coi chị L như con đẻ của

mình, bởi vậy hiện nay chị L và cháu Tú A vẫn đang sống cùng gia đình bà, cuộc sống hoàn toàn bình thường, yên ổn. Trường hợp, chị L và anh T ly hôn, bà cho rằng cháu Tú A cần phải giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng bởi ai cũng nên tạo điều kiện để gắn bó tình mẫu tử cho cháu Tú A. Chị L có công việc ổn định và những năm nay vẫn đảm bảo nuôi con phát triển bình thường, không có vấn đề gì lo ngại.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng pháp luật về tố tụng nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì. Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Trương Thị L được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tú A, sinh ngày 02/8/2015 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên; anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản, các khoản vay và cho vay, không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí, buộc chị Trương Thị L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Chị Trương Thị L khởi kiện xin ly hôn đơn phương và nuôi con chung. Trong đó bị đơn là anh Nguyễn Mạnh T có hộ khẩu thường trú tại phường K, thành phố V tỉnh Vĩnh Phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp hôn nhân gia đình nói trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh T đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên không có mặt được tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã có lời khai đầy đủ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự không hoãn phiên tòa và tiếp tục xét xử theo trình tự đã được quy định.

2. Về nội dung vụ án:

- *Xét yêu cầu xin ly hôn, thấy rằng:* Chị Trương Thị L và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký theo quy định nên đây là cuộc hôn nhân hợp

pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã ly thân trong thời gian dài do anh T phải đi chấp hành án. Thời điểm giải quyết vụ án, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống. Nên có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị L, anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ cần chấp nhận.

- *Xét yêu cầu xin nuôi con của các bên, thấy rằng:* Kể từ khi anh T đi chấp hành án, cháu Nguyễn Tú A được chị L trực tiếp nuôi dưỡng, được ăn ở, sinh hoạt và học tập phát triển bình thường. Gia đình anh T và chính quyền cũng xác nhận tại địa phương chị L không vi phạm pháp luật, có công ăn việc làm ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Trong đó, bố mẹ đẻ của anh T cũng mong muốn giao con cho chị L trực tiếp nuôi để đảm bảo gắn bó tình mẫu tử. Vì vậy, anh T đề nghị giao cháu Tú A cho bố mẹ anh nuôi là không có căn cứ. Việc chị L, xin tiếp tục được trực tiếp nuôi con chung đến khi thành niên là phù hợp cần chấp nhận. Các đương sự không đề nghị gì về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

- *Về quan hệ tài sản:* Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị L xin ly hôn đơn phương với anh T nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

4. Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố V phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị L được ly hôn anh Nguyễn Mạnh T. Thời điểm chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Tú A sinh ngày 02/8/2015 cho chị Trương Thị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành

niên, có khả năng lao động, tự túc được. Anh Nguyễn Mạnh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị L có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí nộp tại Biên lai thu số 0005831 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- VKSND thành phố Vĩnh Y;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Y;
- UBND phường K;
- Các đương sự ;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Việt Quang